

## Chủ nghĩa tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp

Hoàng Khắc Nam\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 1 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 2 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2013

**Tóm tắt:** Trong QHQT có nhiều lý thuyết. Trong số này, Chủ nghĩa Tự do là một trong những lý thuyết nổi bật nhất. Xuất phát từ vai trò đó của Chủ nghĩa Tự do, bài viết trình bày những luận điểm chính của lý thuyết này.

Đó là những luận điểm về chủ thể phi quốc gia, vai trò của yếu tố đối nội, tính duy lý của chủ thể, tính đa dạng của lợi ích quốc gia và tính đa lĩnh vực của QHQT, khả năng hòa hợp lợi ích giữa các quốc gia, vai trò của dân chủ tự do, vai trò của an ninh tập thể, vai trò của sự phát triển kinh tế thị trường, sự phụ thuộc lẫn nhau, vai trò của luật pháp quốc tế, vai trò của thể chế quốc tế, khả năng hợp tác trong môi trường vô chính phủ, khả năng hợp tác thay thế cho xung đột, sự phát triển của hội nhập quốc tế, hệ thống quốc tế, mô hình khác nhau về tương lai thế giới.

Bài viết cũng chỉ ra những đóng góp chủ yếu của Chủ nghĩa Tự do trong nghiên cứu quan hệ quốc tế như phát triển lý luận về chủ thể QHQT, xây dựng cơ sở lý luận cho hợp tác và hội nhập trong QHQT, bổ sung thêm nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến sự vận động của QHQT, đóng góp cho phương pháp luận và nhận thức luận nghiên cứu QHQT, đem lại niềm tin về khả năng thay đổi QHQT thế giới theo hướng tích cực hơn.

Trong các lý thuyết Quan hệ quốc tế (QHQT), Chủ nghĩa Tự do (*Liberalism*) là một trong hai lý thuyết có lịch sử lâu đời nhất cùng với Chủ nghĩa Hiện thực. Những ý tưởng đầu tiên trong truyền thống tư duy tự do có thể tìm thấy từ thời cận đại như từ Desiderius Erasmus Roterodamus, Hugo Grotius, John Locke hay William Penn chẳng hạn.

Tuy nhiên, các tư tưởng của Chủ nghĩa Tự do bắt đầu phát triển từ thế kỷ XVIII và XIX.

Chúng thực sự phát triển mạnh cùng với Chủ nghĩa Tự do trong kinh tế của Adam Smith và Ricardo và được cổ vũ bởi tư tưởng tự do con người trong cuộc Cách mạng Tư sản Pháp năm 1789. Những học giả tiền bối để lại dấu ấn sâu đậm nhất cho sự hình thành Chủ nghĩa Tự do là Immanuel Kant và phần nào đó là Jeremy Bentham.

Sang đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa này đã được phát triển thêm bởi Arnold Toynbee, Norman Angell, Alfred Zimmern và nhà thực hành nổi tiếng là Woodrow Wilson. Sau Thế chiến II,

\* ĐT: 84- 4-37730725

E-mail: hknam84@yahoo.com

đồng tư tưởng này thoái trào với sự kém hiệu quả và thất bại của Hội Quốc liên cũng như sự nổi lên của Chủ nghĩa Hiện thực. Tuy nhiên, sự thoái trào của Chủ nghĩa Lý tưởng sau 1945 không có nghĩa là tư tưởng của Chủ nghĩa Tự do mất đi. Trái lại, Chủ nghĩa Tự do tiếp tục được bổ sung và phát triển bởi David Mitrany, Ernst Haas, Karl Deutsch...

Đến thập kỷ 1970, Chủ nghĩa Tự do bước vào thời kỳ phát triển mới với việc ra đời trường phái Chủ nghĩa Tự do Mới. Trường phái này ra đời trên cơ sở tiếp thu các luận điểm chính của các trường phái trước đó là Chủ nghĩa Quốc tế Tự do và Chủ nghĩa Lý tưởng, được điều chỉnh thông qua cuộc tranh luận với Chủ nghĩa Hiện thực Cổ điển và Mới, và được phát triển thêm nhờ những bổ sung từ các lý thuyết khoa học xã hội khác. Một trong những người đề xướng Chủ nghĩa Tự do Mới nổi tiếng nhất là Robert O. Keohan. Ngoài ra, còn có một số học giả đương đại nổi tiếng của Chủ nghĩa Tự do cũng cần phải kể đến là Richard Rosecrance, Francis Fukuyama, Michael Doyle, Stanley Homann, Andrew Moravcsik,...

Sau Chiến tranh lạnh cho đến nay, Chủ nghĩa Tự do với sự ủng hộ của thực tiễn hợp tác và hội nhập tăng lên mạnh mẽ sau Chiến tranh lạnh vẫn tiếp tục là một lý thuyết lớn trong QHQT cả về lý luận lẫn trong thực tế áp dụng.

Chủ nghĩa Tự do được xây dựng trên một số cơ sở lý luận và thực tiễn. Các cơ sở này bao gồm quan niệm về mối quan hệ giữa môi trường vô chính phủ và xung đột trong QHQT, tính đa nguyên về chủ thể QHQT, bản chất của con người, chủ nghĩa duy vật kết hợp duy tâm chủ quan, quan điểm về sự vận động của thực tiễn lịch sử, quan niệm về tự do. Dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, Chủ nghĩa Tự do nói chung (bao gồm cả các trường phái của

nó) có những luận điểm cơ bản về QHQT như sau:

- Chủ nghĩa Tự do cho rằng trong QHQT, bên cạnh quốc gia còn các **chủ thể phi quốc gia** (*Nonstate Actor*) như tổ chức quốc tế, công ty xuyên quốc gia,... Một số nhà Chủ nghĩa Tự do còn đi xa hơn khi coi các tổ chức tôn giáo quốc tế, nhóm sắc tộc ly khai, tổ chức khủng bố quốc tế,... cũng là chủ thể phi quốc gia.<sup>1</sup> Các chủ thể phi quốc gia đang tham gia ngày càng nhiều vào QHQT với vai trò ngày càng tăng. Và điều này đang làm QHQT thay đổi theo ít nhất ba cách. *Thứ nhất*, sự tham gia vào QHQT của các chủ thể này khiến cho QHQT trở thành sự đan xen lợi ích giữa nhiều chủ thể khác nhau chứ không còn bị chi phối chỉ bởi mỗi lợi ích và toan tính của quốc gia. Sự tồn tại của các chủ thể phi quốc gia khiến quốc gia không còn một mình tự tung tự tác trong QHQT như trước kia nữa. *Thứ hai*, các chủ thể phi quốc gia có lợi ích và quan niệm không giống với lợi ích của quốc gia. Chúng chủ yếu theo đuổi hòa bình và hợp tác nên QHQT không còn chỉ mỗi xung đột như quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực. *Thứ ba*, không những thế, bản thân quốc gia cũng buộc phải thay đổi bởi sự tồn tại của chủ thể phi quốc gia. Các chủ thể này không chỉ kết hợp, bổ sung mà còn tác động tới quốc gia, thậm chí trong nhiều trường hợp còn thay thế quốc gia. Điều này làm giảm vai trò và tính tự trị của quốc gia trong QHQT cũng như làm xói mòn chủ quyền quốc gia. Và tất nhiên, khi chủ thể thay đổi, QHQT cũng sẽ thay đổi theo.

- QHQT chịu tác động đáng kể của nhiều **yếu tố đối nội** (*Domestic Factors*). Bởi quốc gia không phải là nhất thể, nên bên trong quốc gia có nhiều lực lượng cùng tham gia xác định

<sup>1</sup> Thậm chí, có quan niệm còn coi cả chính quyền địa phương, các nhóm lợi ích và các cá nhân cũng là chủ thể QHQT nhưng là loại chủ thể không hoàn toàn là chủ thể phi quốc gia mà là chủ thể dưới quốc gia (*Substate Actors*)

lợi ích quốc gia và hoạch định chính sách đối ngoại. Các lực lượng hay nhóm này có lợi ích và quan niệm đối ngoại khác nhau. Khi chia sẻ và tham gia như vậy, các nhóm đều tìm cách đưa lợi ích nhóm thành lợi ích quốc gia hoặc ít nhất cũng tìm cách tác động đến lợi ích quốc gia sao cho có lợi cho mình hơn. Do đó, lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại nhiều khi là kết quả sự đấu tranh, thỏa hiệp, liên minh giữa các nhóm chứ không phải lúc nào cũng phản ánh trung thành lợi ích quốc gia. Nói cách khác, lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại của quốc gia còn phụ thuộc vào quan hệ và tương quan giữa các nhóm trong nước. Bên cạnh đó, các yếu tố đối nội có thể tạo ra các tác động thúc giục hay kiềm chế ý chí của các nhà lãnh đạo và từ đó là đến chính sách đối ngoại. Chính trị đối nội trở thành một phần của QHQT và các nhóm trong nước trở thành một trong những đơn vị phân tích trong nghiên cứu QHQT. Các yếu tố đối nội mà Chủ nghĩa Tự do nhấn mạnh có thể tác động tới chính sách đối ngoại và QHQT chính là tự do, dân chủ, nhân quyền,... thông qua kênh phổ biến nhất là công luận.

- Bên cạnh đó, Chủ nghĩa Tự do cũng coi quốc gia là **chủ thể duy lý** (*Rational Actor*). Tuy nhiên, sự duy lý của lý thuyết này không giống với quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực ở ít nhất ba điểm. *Thứ nhất*, do quốc gia được cấu thành từ nhiều lực lượng hay nhóm khác nhau nên sự tính toán lý trí của quốc gia có thể thay đổi do sự thay đổi của nhóm chiếm ưu thế chứ không phải đóng khung theo khuôn mẫu hay công thức như quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực. *Thứ hai*, do phụ thuộc vào kết quả đấu tranh, thỏa hiệp, liên minh giữa các nhóm trong nước nên tính toán lý trí không phải lúc nào cũng là hợp lý, là tối ưu. Thậm chí, do phụ thuộc vào các nhóm có trình độ nhận thức và quan niệm khác nhau với khả năng nhận thức sai là có nên tính toán lý trí có thể đúng và cũng

có thể sai. *Thứ ba*, tính toán lý trí đôi khi cũng có thể không hoàn toàn phản ánh chân thực lợi ích quốc gia do còn chịu tác động của các yếu tố đối nội cũng như phụ thuộc vào quan hệ đấu tranh, thỏa hiệp hay liên minh giữa các nhóm trong nước.

- **Lợi ích quốc gia** (*National Interest*) là đa dạng và **QHQT là đa lĩnh vực**. Sự đa dạng lợi ích này được quy định bởi quốc gia được cấu thành từ nhiều nhóm lợi ích khác nhau và bởi sự đa dạng trong lợi ích con người. Cũng giống như con người, lợi ích của quốc gia không phải chỉ mỗi an ninh và quyền lực mà còn cả sự thịnh vượng kinh tế với “cơm ăn, áo mặc” và những lợi ích khác. Các quốc gia đều theo đuổi thường xuyên các lợi ích này trong QHQT, cho nên QHQT chính là sự đan xen nhiều lợi ích khác nhau. Các lợi ích có sự độc lập nhất định và nằm trong nhiều lĩnh vực nên QHQT gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhưng những lợi ích này gắn bó với nhau nên các lĩnh vực lợi ích cũng có sự tương tác qua lại với nhau. Vì thế, Chủ nghĩa Tự do coi QHQT là sự hỗn hợp của nhiều lĩnh vực và vấn đề tương tác với nhau. Từ đó, nó “có xu hướng bác bỏ việc phân chia “chính trị cấp cao với chính trị cấp thấp”<sup>2</sup> như quan niệm của một số nhà chủ nghĩa Hiện thực. Theo Chủ nghĩa Tự do, những lợi ích quốc gia quan trọng nhất là hòa bình (chính trị) và thịnh vượng (kinh tế) nên chính trị và kinh tế cũng là hai lĩnh vực cơ bản nhất trong QHQT. Những người theo Chủ nghĩa Tự do cho rằng kinh tế và chính trị luôn gắn bó mật thiết với nhau, tác động qua lại với nhau. Vì thế, Chủ nghĩa Tự do rất quan tâm tới mối tương tác giữa hai lĩnh vực này trong đời sống quốc tế và coi các vấn đề này đều quan trọng như nhau. Chính sự quan tâm này khiến Chủ nghĩa Tự do còn được gọi là “lý thuyết kinh tế chính trị quốc tế”. Đây cũng

<sup>2</sup> Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, *Lý luận Quan hệ quốc tế*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội 2001, tr. 322

là điểm khác quan trọng so với Chủ nghĩa Hiện thực vốn là lý thuyết chính trị quốc tế khi coi chính trị là thống soái đối với các lĩnh vực khác.

- Chủ nghĩa Tự do cho rằng hoàn toàn có khả năng hòa hợp lợi ích giữa người với người và từ đó là **khả năng hòa hợp lợi ích giữa các quốc gia** với nhau. Điều này được quy định bởi bản chất con người có chứa đựng những mặt tích cực, có nhiều điểm chung giữa người với người, có lý trí để nhận biết ích lợi của hợp tác. Không bác bỏ thực tế có sự cạnh tranh giữa người với người nhưng trong xung đột và cạnh tranh có tiềm năng của hòa hợp lợi ích.<sup>3</sup>

“Cạnh tranh trên thị trường sẽ tạo ra những hàng hóa tốt nhất và cũng như vậy, cạnh tranh về ý tưởng sẽ tạo ra ý thức chính trị đúng đắn”.<sup>4</sup> Sự tự do cá nhân là một yếu tố góp thêm vào điều này. Chính sự tự do cá nhân sẽ làm bộc lộ nhiều lợi ích và ý tưởng khác nhau của con người và nhận thức lý trí sẽ giúp con người nhận thức được đâu là lợi ích chung bên cạnh lợi ích riêng và những ý tưởng tốt nhất. Những lợi ích chung và các ý tưởng tốt nhất sẽ giúp hình thành nên tính hướng đích chung trong quan hệ và những mẫu số chung trong tương tác. Chính khả năng hòa hợp lợi ích này đã góp phần quy định xu hướng hợp tác trong QHQT.

- Chủ nghĩa Tự do đề cao vai trò của **dân chủ tự do** (*Liberal Democracy*) như phương cách quan trọng thúc đẩy hợp tác, đảm bảo an ninh và duy trì hòa bình trong QHQT. Đây là quan điểm được thể hiện rõ nhất trong thời kỳ đầu của lý thuyết này với trường phái Chủ nghĩa quốc tế Tự do. Luận điểm này có thể diễn giải một cách sơ lược như sau: Khi nhân dân được hưởng các quyền tự do dân chủ trong nền cộng hòa, nhân dân sẽ bầu ra được một chính phủ đúng với ý nguyện của mình. Nhân dân vốn

yêu hòa bình nên chính phủ đó sẽ thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình. Khi nhân dân thế giới đều được hưởng quyền tự do cộng hòa, chính phủ các nước trên thế giới đều sẽ thi hành chính sách đối ngoại hòa bình. Khi đó, thế giới sẽ đạt được nền “hòa bình vĩnh viễn” theo như tinh thần của Immanuel Kant. Tất nhiên trong thực tiễn, không phải bao giờ chính phủ cũng thực hiện đúng ý nguyện hòa bình của nhân dân, nhưng nhân dân với các quyền tự do của mình sẽ can thiệp vào chính sách của chính phủ bằng nhiều cách thức hợp pháp trong nền cộng hòa như công luận chẳng hạn.

- **An ninh tập thể** (*Collective Security*) là một phương cách ngăn chặn chiến tranh, duy trì hòa bình của Chủ nghĩa Tự do, nhất là những người theo trường phái Chủ nghĩa Lý tưởng. An ninh tập thể có nghĩa là an ninh được nhận thức là vấn đề có tính tập thể và bảo vệ an ninh là trách nhiệm của tập thể hơn là của cá nhân quốc gia nào đó.<sup>5</sup> Ý tưởng an ninh tập thể được Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson đưa ra trong Tuyên bố 14 điểm năm 1918 và đã được áp dụng và Hội Quốc Liên cũng như Liên Hợp Quốc. An ninh tập thể được xây dựng dựa trên ba nội dung chính: Chiến tranh là bất hợp pháp và cần phải loại trừ, cần một thể chế hoặc liên minh của tất cả các nước để chống lại chiến tranh và kẻ xâm lược phải bị răn đe, ngăn chặn hay trừng phạt bởi liên minh của tất cả các nước. An ninh tập thể là cách thức “mọi người chống lại một người” nhằm bảo đảm an ninh, loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống. Nói nôm na, khi một nước đe dọa hay tiến hành xâm lược nước khác, tất cả các nước phải hành động tập thể để đẩy lùi sự xâm lăng đó, Các biện pháp thực hiện an ninh tập thể có thể phi quân sự như bao vây, cấm vận kinh tế,... nhưng cũng có thể là

<sup>3</sup> Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, *Sđđ*, tr. 327

<sup>4</sup> Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, *Sđđ*, tr. 324

<sup>5</sup> Graham Evans & Jeffrey Newnham, *The Penguin Dictionary of International Relations*, Penguin Books, London 1998, p. 305

quân sự như can thiệp quân sự đẩy lùi sự xâm lăng. Nguyên tắc này được hi vọng là có tính khả thi và có khả năng thay thế nguyên tắc tự lực bởi sức mạnh của một nước khó lòng vượt hơn sức mạnh của tất cả các nước cộng lại. Mặc dù an ninh tập thể trong thực tế hầu như đã bị thất bại, nhất là trong trường hợp của Hội Quốc Liên, nhưng nó vẫn được Chủ nghĩa Tự do coi như một ý tưởng tốt đẹp cần tiến tới để duy trì hòa bình thế giới.

- Chủ nghĩa Tự do, nhất là những người dựa trên Chủ nghĩa Tự do kinh tế, cũng coi phát triển **kinh tế thị trường** (*Market Economy*) như phương cách quan trọng khác để thúc đẩy hợp tác, đảm bảo an ninh và duy trì hòa bình trong QHQT. Kinh tế thị trường được xây dựng trên cơ sở tự do kinh tế và phần nào đó là tự do chính trị. Kinh tế thị trường tác động tới QHQT bằng nhiều tác động khác nhau. *Thứ nhất*, kinh tế thị trường giúp đem lại lợi ích kinh tế và thịnh vượng mà tất cả đều cần. Điều này thúc đẩy lợi ích chung trong QHQT. *Thứ hai*, phát triển kinh tế thị trường đòi hỏi phải thúc đẩy hợp tác bởi đây là phương thức quan hệ chủ yếu trong kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường luôn có xu hướng mở rộng thị trường ra bên ngoài và điều này buộc các quốc gia đều phải tìm cách mở rộng hợp tác trong QHQT. *Thứ ba*, kinh tế thị trường dẫn đến yêu cầu phải duy trì môi trường an ninh để phát triển. Điều này tạo ra áp lực từ trong nước đối với chính sách đối ngoại theo hướng hòa bình. Cạnh tranh là cần thiết và không tránh khỏi trong kinh tế thị trường nhưng được điều chỉnh bằng pháp luật và được kiểm giữ ở mức độ nhất định không cho leo thang thành xung đột cao hơn. Lý do của điều này được các nhà Chủ nghĩa Tự do giải thích là cái lợi cho hợp tác phát triển kinh tế thường cao hơn và lâu dài hơn cái lợi thu được từ xung đột, cái giá phải trả cho xung đột thường là lớn hơn cái giá duy trì quan hệ hợp tác trong kinh tế thị

trường. Tính toán lý trí như vậy khiến các quốc gia đều tìm cách duy trì hợp tác bất chấp cạnh tranh trong kinh tế thị trường.

- Bên cạnh đó, kinh tế thị trường phát triển còn đem lại một thực tế khác nữa rất có ý nghĩa đối với hòa bình và hợp tác trong QHQT. Đó là **sự phụ thuộc lẫn nhau** (*Interdependence*). Đây là sự phát hiện muộn hơn trong thời hiện đại của những người Chủ nghĩa Tự do Mới. Quan điểm đề cao sự phụ thuộc lẫn nhau như cách thức ngăn chặn chiến tranh, thúc đẩy hợp tác và hội nhập còn được gọi là Chủ nghĩa Xuyên quốc gia (*Transnationalism*). Theo quan điểm này, kinh tế thị trường phát triển sẽ đem lại sự phụ thuộc lẫn nhau. Kinh tế thị trường chỉ là phương tiện, còn sự phụ thuộc lẫn nhau là kết quả và kết quả này mới tác động mạnh mẽ đến QHQT. Sự phụ thuộc lẫn nhau đó không chỉ diễn ra giữa các quốc gia, giữa các doanh nghiệp mà còn giữa các giới và tầng lớp xã hội khác nhau đơn giản bởi vì tất cả đều là những bộ phận trong nền kinh tế thị trường. Không những thế, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế còn ảnh hưởng sang các lĩnh vực khác. Sự phụ thuộc lẫn nhau diễn ra không chỉ trong kinh tế mà còn trong cả lĩnh vực khác. Nhìn chung, sự phụ thuộc lẫn nhau tạo sự hiểu biết lẫn nhau và tạo điều kiện cho sự hợp tác. Nó tạo sự trao đổi các giá trị và thúc đẩy toàn cầu hóa để hình thành ngày càng nhiều điểm chung, tạo tính hướng đích chung cho QHQT. Sự phụ thuộc lẫn nhau còn làm các quốc gia giảm khả năng tự kiểm soát vận mệnh của mình nên buộc chúng phải hợp tác để hạn chế các tác động tiêu cực từ điều này. Không chỉ buộc các chủ thể QHQT phải tăng cường hợp tác, sự phụ thuộc lẫn nhau còn đem lại tác dụng lớn cho hòa bình và an ninh. Nó khiến cái giá phải trả cho xung đột còn lớn hơn cho cả tất cả các bên khi các bên đang phụ thuộc lẫn nhau. Nó hạn chế khả năng sử dụng vũ lực trong QHQT. Nó tạo cơ sở cho

việc phổ biến và thực thi hiệu quả luật pháp trong QHQT cũng như sự hình thành các thể chế hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống quốc tế.

- Chủ nghĩa Tự do, nhất là những người dựa trên Chủ nghĩa Tự do có điều tiết, cũng đề cập đến vai trò của **luật pháp quốc tế** (*International Law*) như phương cách khác dù không quá đề cao như dân chủ tự do, kinh tế thị trường hay thể chế quốc tế. Luận điểm này xuất phát từ vai trò của luật pháp nói chung. Luật pháp giúp điều chỉnh các quan hệ xã hội theo hướng ngăn chặn xung đột và hợp tác thực hiện các vấn đề chung. Điều này đã được chứng thực bên trong quốc gia. Trong QHQT, luật pháp cũng có thể phát huy vai trò gần được như vậy dù tính hiệu lực kém hơn nhiều khi ít có khả năng chế tài thông qua bộ máy tư pháp quốc gia như tòa án, cảnh sát, nhà tù,... Tuy nhiên, tính hiệu lực của luật pháp quốc tế vẫn có thể có được phần nào thông qua nguyên tắc tự nguyện thực hiện các cam kết quốc tế (*Pacta sunt servanda*), qua sự phát triển của nhận thức con người, qua sự mở rộng của xã hội dân sự,... Dù có thể có hiệu lực không cao nhưng luật pháp quốc tế cũng giúp làm giảm tình trạng vô chính phủ trong môi trường quốc tế và vì thế cũng được coi như một phương cách nhằm ngăn chặn xung đột và thúc đẩy hợp tác trong QHQT. Cũng như dân chủ và nhân quyền, Chủ nghĩa Tự do cho rằng các cam kết giữa con người và quốc gia với nhau về luật pháp có thể làm thay đổi QHQT. Các cam kết này xuất phát đầu tiên trong phương diện đối nội rồi tác động lên phương diện đối ngoại. Cái đích của luật pháp quốc tế là một hệ thống pháp lý quốc tế được các quốc gia tự nguyện tham gia sẽ giúp điều chỉnh QHQT và giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

- Trường phái quan trọng nhất của Chủ nghĩa Tự do là Chủ nghĩa Tự do Mới đặc biệt

đề cao vai trò của **thể chế quốc tế** (*International Institution*) như phương án chủ yếu để xây dựng và sắp xếp lại QHQT theo tinh thần của lý thuyết này. Chính sự đề cao vai trò của thể chế đã khiến Chủ nghĩa Tự do Mới còn được gọi là Chủ nghĩa Thể chế Tự do Mới (*Neoliberal Institutionalism*). Thể chế có thể tồn tại lâu dài và phát triển bởi những chức năng tích cực của nó có thể khiến chúng “trở nên không thể thiếu đối với các nước thành viên”<sup>6</sup>. Theo Chủ nghĩa Tự do Mới, thể chế đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình, quản lý xung đột, thúc đẩy hợp tác và hội nhập theo ít nhất một số đường hướng sau: *Thứ nhất*, tham gia vào các thể chế quốc tế chính là giúp thúc đẩy hợp tác bởi các thể chế được lập ra với tôn chỉ mục đích phù hợp với lợi ích của các nước và các nước tự nguyện tham gia là để nhằm thực hiện các lợi ích đó. Thể chế đem lại khả năng thực hiện các lợi ích đó trên cơ sở hợp tác cùng nhau với chi phí ít hơn so với việc phải thực hiện một mình. Thể chế giúp các nước hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn, lòng tin nhiều hơn và cơ hội hợp tác theo đó cũng tăng lên. *Thứ hai*, hoạt động trong khuôn khổ thể chế giúp ngăn ngừa và giảm thiểu xung đột khi có các nguyên tắc và quy định bên trong thể chế giúp điều chỉnh quan hệ giữa các thành viên, giúp hạn chế một số hành vi có thể gây xung đột. Đồng thời, nhiều thể chế có cơ chế giải quyết tranh chấp sẽ giúp giải quyết xung đột nếu có giữa các thành viên. *Thứ ba*, sự tồn tại của các thể chế quốc tế giúp làm giảm tính vô chính phủ của môi trường quốc tế khi góp phần buộc các thành viên giảm bớt những động thái không phù hợp với thể chế và những thành viên khác. Hoạt động của các thể chế quốc tế giúp triển khai và thực thi luật pháp quốc tế thông qua các nguyên tắc hoạt động và những quy định điều

<sup>6</sup> Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, *Sđđ*, tr. 321

chính quan hệ bên trong thể chế. Thứ tư, thể chế giúp quản lý rất nhiều vấn đề như sự phụ thuộc lẫn nhau, hợp tác và hội nhập,... nhằm phát huy mặt tiêu cực và hạn chế khía cạnh tiêu cực của các vấn đề này.

- Theo Chủ nghĩa Tự do, xung đột không phải là hình thái QHQT duy nhất trong môi trường vô chính phủ (*Anarchy*). Vẫn có chỗ cho **hợp tác trong môi trường vô chính phủ**. Sự phát triển của con người và nhận thức lý trí chính là nguyên nhân dẫn đến xu hướng thay đổi này của QHQT.<sup>7</sup> Hợp tác có thể được thực hiện trên cơ sở tương đồng nhất định chứ không nhất thiết phải có sự hài hòa hay thống nhất. Hợp tác có thể diễn ra trong vấn đề cụ thể nào đó mà không nhất thiết phải là tất cả. Hợp tác vẫn có thể tiến hành trong lĩnh vực này bất chấp đang tồn tại xung đột trong lĩnh vực khác. Thậm chí, hợp tác và cạnh tranh vẫn có thể cùng tồn tại trong cùng một vấn đề. Vì thế, hợp tác vẫn sẽ tồn tại bất chấp việc họ vẫn sống trong khu rừng với môi trường vô chính phủ. Như vậy, đối với Chủ nghĩa Tự do, bản chất của QHQT không phải chỉ mỗi xung đột quyền lực riêng mà còn cả hợp tác với những lợi ích chung khác, nhất là lợi ích kinh tế. Xung đột và hợp tác có tác động qua lại với nhau nên phải tính đến cả hai hình thái này mới đánh giá đúng bản chất và sự vận động của các mối QHQT.

- **Hợp tác (Cooperation)** sẽ ngày càng tăng, **ngày càng thay thế dần cho xung đột** và trở

<sup>7</sup> Những người theo Chủ nghĩa Tự do hay lấy câu chuyện "Săn hươu" của triết gia người Pháp Jean Jacques Rousseau để lý giải cho khả năng hợp tác trong môi trường vô chính phủ. Có thể tóm lược câu chuyện "Săn hươu" như sau: Trong một khu rừng có năm người sống tương tự như trong tình trạng vô chính phủ. Để tồn tại được, họ đều tìm cách săn thỏ một cách riêng rẽ. Nhưng rồi đến lúc thỏ sẽ ngày càng ít đi trong khi rừng còn có những thức ăn khác lớn hơn như hươu chẳng hạn. Nhu cầu tồn tại và tính toán lý trí và lợi ích tuyệt đối sẽ buộc họ phải hợp tác cùng với nhau để săn hươu. Việc săn hươu thành công sẽ giúp họ nhận thấy rằng, cùng nhau săn hươu sẽ đem lại cho họ lợi ích lớn hơn, và từ đó là khả năng tồn tại của họ cũng sẽ lâu dài hơn, khả năng phát triển cũng sẽ cao hơn.

thành xu thế chính trong QHQT. Các lý do cho luận điểm này được các nhà Chủ nghĩa Tự do đưa ra gồm khá nhiều như mong muốn hòa bình, nhu cầu thịnh vượng kinh tế, phát huy dân chủ tự do, phát triển kinh tế thị trường, thúc đẩy luật pháp quốc tế và mở rộng thể chế quốc tế,... Đồng thời, Chủ nghĩa Tự do cũng nhấn mạnh đến sự phát triển của nhận thức lý trí khiến các chủ thể ngày càng quan tâm hơn đến lợi ích tuyệt đối với cái nhìn lợi ích lâu dài. Lợi ích tuyệt đối (*Absolute Gain*) là những gì mình mong muốn đạt được để đáp ứng nhu cầu của mình. Nó khác với lợi ích tương đối (*Relative Gain*) cũng là những cái đó nhưng trong sự so sánh với các quốc gia khác. Theo Chủ nghĩa Tự do, lợi ích tuyệt đối quan trọng hơn lợi ích tương đối. Lợi ích thu được từ hợp tác có thể không như nhau nhưng thà thu được lợi ích gì đó còn hơn là không thu được gì nếu không hợp tác, và càng là hơn khi so với khả năng mất mát nếu tiếp tục xung đột. Vì thế, hợp tác vẫn sẽ tiếp tục được lựa chọn thay vì xung đột hay không hợp tác. Hợp tác nhằm đạt được lợi ích tuyệt đối vì thế sẽ ngày càng tăng và tiếp tục phát triển lâu dài. Như vậy, tính toán lý trí với nhận thức lâu dài sẽ giúp các quốc gia lựa chọn hợp tác và thay thế dần cho tình trạng xung đột trong QHQT. Hay nói cách khác, các quốc gia sẽ ngày càng lựa chọn theo đuổi lợi ích tuyệt đối hơn là lợi ích tương đối. Và hợp tác như vậy sẽ giúp đem lại hòa bình. Immanuel Kant đã từng cho rằng qua năm tháng, lý lẽ sẽ ngày càng thay thế cho việc sử dụng vũ lực trong chính trị quốc tế.<sup>8</sup>

- Chủ nghĩa Tự do cho rằng hợp tác chính là xu hướng phát triển của lịch sử QHQT thế giới. Xu thế hợp tác phát triển không chỉ về bề rộng mà còn về bề sâu với sự phát triển của **hội nhập quốc tế (Integration)**. Hội nhập quốc tế là quá

<sup>8</sup> Paul R. Vioti & Mark V, Kaupi, *Sđđ*, tr. 325

trình kết hợp các quốc gia riêng rẽ vào một trạng thái của chính thể mới trên cơ sở đảm bảo lợi ích cơ bản của quốc gia.<sup>9</sup> Đó chính là hình thức hợp tác sâu sắc hơn, chặt chẽ hơn cả về mức độ gắn kết và thể chế hóa. Những người theo Chủ nghĩa Xuyên quốc gia đã có lý giải đáng chú ý khi cho rằng hội nhập quốc tế là kết quả của hợp tác và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng lên. Hội nhập quốc tế tuy xuất hiện muộn hơn hợp tác từ nửa cuối thế kỷ XIX nhưng phát triển khá mạnh mẽ trong thời kỳ hiện đại. Hiện nay, hội nhập quốc tế tuy chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực kinh tế nhưng đã lôi cuốn mọi quốc gia tham gia với nhiều hình thức (Khu vực thương mại tự do, Liên hiệp thuế quan, Thị trường chung,...) và cấp độ khác nhau (song phương, khu vực, toàn cầu,...). Chủ nghĩa Tự do đã dựa vào thực tế này để khẳng định cho sự phát triển của xu thế hợp tác và hội nhập quốc tế.

- Chủ nghĩa Tự do Mới cũng thừa nhận sự tồn tại của **hệ thống quốc tế** (*International System*) nhưng không đánh giá cao vai trò đối với QHQT. Đơn giản đó chỉ là một trong những yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng đến QHQT. Khác với Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do không chú trọng đến cơ cấu của hệ thống mà chủ yếu quan tâm đến sự tương tác giữa các chủ thể QHQT trong việc hình thành hệ thống và ảnh hưởng đến nhau bên trong hệ thống. Các phần tử hay đơn vị của hệ thống gồm nhiều loại hình chứ không phải chỉ mỗi quốc gia như quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực Mới. Tuy nhiên, khi đi vào cụ thể, Chủ nghĩa Tự do cũng có những cách lý giải và nhìn nhận khác nhau về hệ thống quốc tế. Có quan điểm như của Robert O. Keohan và Joseph Nye coi hệ thống như một quá trình tương tác ngày càng tăng và đạt đến

sự phụ thuộc lẫn nhau. Trong hệ thống phụ thuộc lẫn nhau này, các chủ thể rất dễ chịu tác động cũng như dễ bị tổn thương bởi hành vi của chủ thể khác. Vì thế chúng buộc phải “học” và điều chỉnh hành vi cho phù hợp với hệ thống. Quan điểm thứ hai theo truyền thống Anh của Hedley Bull và A. Watson thì lại nhìn hệ thống quốc tế như một xã hội quốc tế (*International Society*) gồm một nhóm các cộng đồng chính trị độc lập. Các chủ thể này liên lạc với nhau, cùng tán thành luật lệ chung, cùng thừa nhận lợi ích chung và cùng chia sẻ bản sắc chung. Trong khi đó, quan điểm thứ ba của những nhà Chủ nghĩa Tự do Mới vẫn thừa nhận tính vô chính phủ của hệ thống quốc tế, các chủ thể vẫn hành động vì lợi ích của mình. Tuy nhiên, trong hệ thống này, quá trình tương tác lẫn nhau giữa các chủ thể sẽ phát triển theo hướng tích cực với việc thành lập nên những thể chế giúp điều hòa hành vi của các chủ thể chứ không phải xung đột như quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực.<sup>10</sup>

- Từ tất cả những luận điểm trên, Chủ nghĩa Tự do đã đưa ra một vài mô hình khác nhau về **tương lai thế giới**. Trong số các mô hình được nói đến nhiều nhất, có hai mô hình là mô hình Grotius về xã hội quốc tế và mô hình của Kant về cộng đồng quốc tế.<sup>11</sup> Đây là hai mô hình theo cách phân chia của Martin Wight và gắn nhiều với quan điểm của Chủ nghĩa Tự do. Trong mô hình Grotius về xã hội quốc tế, vẫn là đa chủ thể và quốc gia vẫn đóng vai trò quan trọng, hình thái quan hệ gồm cả hợp tác và xung đột nhưng hợp tác ngày càng tăng, luật pháp quốc tế đóng vai trò điều chỉnh QHQT, có xu hướng xích lại gần nhau giữa các tư tưởng, vai trò tăng lên của các thể chế quốc tế trong

<sup>9</sup> Tham khảo thêm Hoàng Khắc Nam, Một số vấn đề về khái niệm hội nhập quốc tế, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 1 (43), 2002, tr. 17-23 và số 2 (44), 2002, tr. 14-22

<sup>10</sup> Karent Mingst, *Essentials of International Relations*, W. W. Norton & Company, New York 1999, p. 90-91

<sup>11</sup> Các mô hình mang tên các học giả khởi thủy nhưng đã được bổ sung bằng nhiều quan điểm của các học giả hiện đại.



việc giải quyết các vấn đề chung,... Trong khi đó, trong mô hình của Kant về cộng đồng quốc tế, đa chủ thể và quốc gia vẫn tồn tại nhưng vai trò giảm đáng kể, hình thái quan hệ hợp tác tăng đến mức phụ thuộc lẫn nhau trong khi xung đột giảm và chủ yếu chỉ là cạnh tranh, QHQT được điều chỉnh nhiều bằng luật lệ và chuẩn mực, tư tưởng thống nhất và văn hóa thế giới chung ngày càng phổ biến, tồn tại các thể chế bên trên quốc gia không chỉ để giải quyết các vấn đề chung mà còn các vấn đề về công lý và phân phối lại của cải...<sup>12</sup> Ngoài ra, sau này, các nhà Chủ nghĩa Tự do Mới còn đưa ra mô hình mạng nhện (*Cob-web*). Đây là mô hình được xây dựng dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các chủ thể QHQT. Theo đó, các quốc gia và các chủ thể phi quốc gia gắn bó ngày càng chặt chẽ đến mức phụ thuộc lẫn nhau đồng thời trên nhiều lĩnh vực. Các mối liên kết này nhằng nhịt như mạng nhện. Trong đó, sự thay đổi của chủ thể này (điểm nối) hoàn toàn sẽ ảnh hưởng đến chủ thể khác và có thể lên cả hệ thống.

Nhìn chung, hệ thống lý luận của Chủ nghĩa Tự do phức tạp và đa dạng hơn Chủ nghĩa Hiện thực. Lý thuyết này không chỉ xuất phát từ những luận điểm ban đầu mà còn có sự phát triển thêm qua cuộc tranh luận với Chủ nghĩa Hiện thực. Không những thế, Chủ nghĩa Tự do còn có sự bổ sung từ nhiều lý thuyết thuộc các ngành học khác cũng như từ những thay đổi của thực tiễn QHQT trong thời hiện đại. Nhìn chung, Chủ nghĩa Tự do có nhiều đóng góp vào kho tàng lý luận QHQT. Các đóng góp chính này là:

- *Phát triển lý luận về chủ thể QHQT* như sự nổi lên và vai trò của các chủ thể phi quốc gia, mối quan hệ qua lại giữa các chủ thể này với quốc gia và từ đó là những thay đổi trong

vai trò của quốc gia trong QHQT. Cho dù vẫn còn những ý kiến tranh luận về sự thay đổi vai trò của từng loại chủ thể nhưng việc ghi nhận sự tồn tại của nhiều loại hình chủ thể QHQT khác nhau đã phản ánh đúng thực tế mới của QHQT. Chính sự gia tăng hoạt động của các chủ thể phi quốc gia đang góp phần làm thay đổi QHQT và là đặc điểm mới của QHQT thời hiện đại.

- *Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho hợp tác và hội nhập trong QHQT* như chỉ ra khả năng hợp tác quốc tế trong môi trường vô chính phủ, xung đột không phải là hình thái quan hệ và thực tế duy nhất, các yếu tố quy định và thúc đẩy xu hướng hợp tác quốc tế, vai trò của lợi ích tuyệt đối... Bên cạnh đó, Chủ nghĩa Tự do còn đề ra nhiều phương án và cách thức thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế như xây dựng an ninh tập thể, thúc đẩy tự do dân chủ, phát triển kinh tế thị trường, luật pháp quốc tế và thể chế quốc tế...

- *Bổ sung thêm nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến sự hình thành và vận động của QHQT* như tác động của các yếu tố đối nội, tính chất đa lợi ích và đa lĩnh vực của QHQT, vai trò của kinh tế và sự tương tác giữa kinh tế và chính trị,... Trong đó đáng chú ý là các yếu tố tích cực thuộc về bản chất và nhận thức chủ quan của con người. Vai trò của nhận thức chủ quan con người đã được ghi nhận như một yếu tố đòi hỏi phải tính đến trong nghiên cứu QHQT. “Việc nghiên cứu các cá nhân có thực bên trong các tổ chức có thực làm cho chính trị thế giới có một bộ mặt con người.”<sup>13</sup>

- *Đóng góp cho phương pháp luận và nhận thức luận nghiên cứu QHQT* như bổ sung cấp độ phân tích trong nước bên cạnh các cấp độ khác, kết hợp chủ nghĩa duy vật và duy tâm chủ

<sup>12</sup> Dẫn theo Conway W. Henderson, *International Relations – Conflicts and Cooperation at the Turn of the 21<sup>st</sup> Century*, Mc Graw-Hill, Singapore 1998, p. 15-20

<sup>13</sup> Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, *Lý luận Quan hệ quốc tế*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội 2001, tr. 349

quan, phương pháp liên ngành và đa ngành trong nghiên cứu QHQT... Trong đó, có điểm đáng lưu ý là khác với Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do đã có sự gắn kết nhiều hơn giữa môi trường trong nước với môi trường quốc tế, giữa chính sách đối nội và đối ngoại, giữa yếu tố bên trong và bên ngoài, giữa chính trị và kinh tế...

- *Đem lại niềm tin về khả năng thay đổi QHQT thế giới theo hướng tích cực hơn và lạc quan hơn.* Không chỉ niềm tin, Chủ nghĩa Tự do còn có những đóng góp cho an ninh, hợp tác và hòa bình một cách thực tiễn khi đề ra nhiều biện pháp thúc đẩy hợp tác, bảo đảm an ninh và duy trì hòa bình mà trên đã kể ra.

## Liberalism in International Relations: Main Points of View and Contribution

Hoàng Khắc Nam

*VNU University of Social Sciences and Humanities  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** There are many theories in international relations. Liberalism is one of the most prominent theories. From the role of Liberalism, the article presents main points of view of the theory.

The points of view are (Nonstate Actor), role of domestic factors, rationality of actor, diversity of national interest and multi-field of international relations, ability of interest harmony among states, role of liberal democracy, role of collective security, role of market economy development, interdependence, role of international law, role of international institution, ability of cooperation in anarchy, cooperation as alternative of conflict, development of integration, international system, different models of world future.

The article also points out the main contributions to study of international relations such as development of international actor theory, building theoretical base for cooperation and interdependence in international relations, addition of many factors that affect movement of international relations, contribution to methodology and epistemology of international relations, to bring about belief in more positive change of international relations in the world.